

SỐ TƯ PHÁP T. TUYÊN SỐ: NG11/2017/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 8 năm 2017

Ngày 26-08-2017

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ: 3715

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch năm 2014;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐT&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 153/TTr-SNV ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo loại đơn vị hành chính

1. Đối với xã, thị trấn:

a) Loại I: Không quá 24 người; trong đó: Cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 13 người.

b) Loại II: Không quá 21 người; trong đó: Cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 11 người.

c) Loại III: Không quá 19 người; trong đó: Cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 9 người.

2. Đối với phường:

a) Loại I: Không quá 23 người; trong đó: Cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 12 người.

b) Loại II: Không quá 20 người; trong đó: Cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 10 người.

c) Loại III: Không quá 18 người; trong đó: Cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 8 người.

3. Phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân thì số lượng cán bộ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này giảm 01 người.

Điều 3. Bố trí cán bộ, công chức

1. Bố trí cán bộ, công chức kiêm nhiệm:

a) Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

b) Cán bộ, công chức có thể bố trí kiêm nhiệm chức danh cán bộ, công chức khác theo yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương nhưng một người đảm nhiệm không quá hai chức danh.

c) Khi đã bố trí cán bộ, công chức kiêm nhiệm theo quy định tại điểm b khoản này thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại Điều 2 Quyết định này phải giảm đi tương ứng.

2. Bố trí những chức danh công chức được tăng thêm người đảm nhiệm:

a) Bố trí hai người đảm nhiệm chức danh: Văn hóa - xã hội, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường ở đơn vị hành chính cấp xã loại I, II, III; Tư pháp - hộ tịch ở đơn vị hành chính cấp xã loại I, loại II.

b) Sau khi đã bố trí theo quy định tại điểm a khoản này, số công chức còn lại (trừ chức danh Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự) được bố trí tăng thêm tùy theo yêu cầu nhiệm vụ để đảm bảo các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có công chức đảm nhiệm nhưng không quá ba người một chức danh ở đơn vị hành chính cấp xã loại I, không quá hai người một chức danh ở đơn vị hành chính cấp xã loại II.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao số lượng cụ thể cán bộ, công chức cấp xã.

b) Xây dựng phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định này và thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

c) Lập phương án bố trí, sắp xếp giải quyết đối với những công chức cấp xã đã bố trí theo Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh nay thực hiện theo Quyết định này không đảm bảo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn.

2. Sở Nội vụ:

a) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

b) Cho ý kiến về phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

c) Theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2017 và thay thế Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- TT Huyện, Thành ủy;
- TT HĐND huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 5 (thi hành);
- Phòng Tin học-Công báo, VP UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Minh Huân